

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 28/4/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Thuận

2. Bà Lê Thị Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Song T –Trưởng Phòng giao dịch T (Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021) (Có mặt).

Địa chỉ: Số 45 Quốc lộ N, ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

**** Bị đơn:*** Bà Lê Ngọc L, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) Sài Gòn Thương Tín trình bày:

Ngày 01/3/2019, bà Lê Ngọc L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ JCB (Hợp đồng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

- Hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng);
- Mục đích: Tiêu dùng cá nhân;
- Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng;
- Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%);
- Thời hạn Hợp đồng: 03 năm (Từ 01/3/2019- 01/3/2022). Thời hạn ghi trên thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Lê Ngọc L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11.400.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất ngân hàng được áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngoài ra, bà Lê Ngọc L còn phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/6/2020, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.730.000 đồng. Số tiền mà bà L đã trả bao gồm tiền phí 598.000 đồng, phí trễ hạn 400.000 đồng, tiền lãi 3.461.684 đồng, tiền gốc là 3.270.316 đồng. Tính đến ngày 22/6/2020, bà L đã trả đủ tiền phí, phí trễ hạn và tiền lãi, chỉ còn nợ tiền gốc là 8.129.684 đồng. Từ ngày 23/6/2020 đến ngày 28/4/2022 thì thẻ tín dụng của bà L phát sinh thêm tiền phí trễ hạn là 320.000 đồng, tiền lãi trong hạn 908.546 đồng, tiền lãi quá hạn là 6.727.798 đồng (Theo quy định của Ngân hàng thì 02 khoản phí trễ hạn và tiền lãi trong hạn được tính là tiền gốc với tổng số tiền là 9.358.230 đồng (8.129.684 đ + 320.000 đ + 908.546 đ)). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Ngọc L đã không thực hiện đúng như hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Lê Ngọc L, yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, bà Lê Ngọc L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Ngọc L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 16.086.028 đồng (Bao gồm tiền gốc là 9.358.230 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.727.798 đồng).

Và bà L phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn bà Lê Ngọc L không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 68/TB-TLVA ngày 18 tháng 5 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Lê Ngọc L nhưng bà L không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền tính đến ngày 28/4/2022 là 16.086.028 đồng (Bao gồm tiền gốc là 9.358.230 đồng và tiền lãi quá hạn là 6.727.798 đồng). Do số tiền 9.358.230 đồng mà theo đại diện nguyên đơn trình bày là tiền gốc được tính từ số tiền vốn gốc 8.129.684 đồng cộng với phí trễ hạn là 320.000 đồng và tiền lãi trong hạn 908.546 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về vốn gốc là 8.129.684 đồng, về tiền lãi được tính với mức lãi suất trong hạn 2,5%/tháng từ ngày 23/6/2020 – 22/10/2020, lãi suất quá hạn 3,75% tháng tính từ ngày 23/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lê Ngọc L trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/4/2022 là 16.086.028 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Bị đơn bà Lê Ngọc L đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, đương sự có mặt và đại diện Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 01/3/2019, bà Lê Ngọc L có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng để vay của Ngân hàng TMCP S với số tiền vay là 10.000.000 với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Đại diện nguyên đơn trình bày tính đến ngày 28/4/2022, bà Lê Ngọc L còn nợ Ngân hàng số tiền 16.086.028 đồng bao gồm 9.358.230 đồng tiền gốc và 6.727.798 đồng tiền lãi. Tiền gốc 9.358.230 đồng được tính từ nợ gốc ngày 22/6/2020 là 8.129.684 đồng cộng với tiền phí trễ hạn là 320.000 đồng và tiền lãi trong hạn 908.546 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tính đến ngày 22/6/2020, bà L đã trả đủ tiền phí, phí trễ hạn và tiền lãi, chỉ còn nợ tiền gốc là 8.129.684 đồng. Từ ngày 22/6/2020 trở đi, bà L không có vay thêm tiền cũng như không có phát sinh thêm giao dịch với Ngân hàng. Cho nên, số tiền phát sinh thêm sau ngày 22/6/2020 không phải nợ gốc mà nợ gốc là 8.129.684 đồng. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn số nợ đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/10/2020. Tiền lãi được tính như sau:

+ Tiền lãi trong hạn từ ngày 23/6/2020 – 22/10/2020: 03 tháng 29 ngày với mức lãi suất 2,5%/tháng:

$$8.129.684 \text{ đ} \times 2,5\% \times 3 + ((8.129.684 \text{ đ} \times 2,5\%) : 30) \times 29 = 806.193 \text{ đ}$$

+ Tiền lãi quá hạn từ ngày 23/10/2020 – 28/4/2022: 18 tháng 5 ngày với mức lãi suất 3,75%/tháng:

$$8.129.684 \text{ đ} \times 3,75\% \times 18 + ((8.129.684 \text{ đ} \times 3,75\%) : 30) \times 5 = 5.538.348 \text{ đ}$$

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/3/2019 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) giữa Ngân hàng với bà Lê Ngọc L là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án công nhận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng với bà Lê Ngọc L là hợp pháp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Ngọc L đã không thực hiện đúng như hợp đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà Lê Ngọc L, yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, bà Lê Ngọc L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc bà Lê Ngọc L không trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không những vi phạm các điều khoản cam kết về nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà còn vi phạm các quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Ngọc L thanh toán toàn bộ số dư nợ còn lại là có căn cứ.

[3] Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh S đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S.

+ Buộc bà Lê Ngọc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là: 14.794.225 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng) (Trong đó tiền vốn: 8.129.684 đồng tiền lãi trong hạn 806.193 đồng, tiền lãi quá hạn 5.538.348 đồng, tiền phí trễ hạn 320.000 đồng).

+ Kể từ ngày 29/4/2022, bà Lê Ngọc L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với số tiền 1.291.803 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi một nghìn tám trăm lẻ ba đồng) (16.086.028 đ - 14.794.225đ).

- Về án phí:

+ Bà Lê Ngọc L phải chịu 739.711 đồng (Bảy trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm mười một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ngân hàng thương mại cổ phần S phải chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngân hàng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0007889 ngày 13/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Lê Ngọc L được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 26 và 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân